

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh Đệp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lâm Sển** – Kiểm Sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp VT A, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Bà T có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp VT A, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:*

Vào năm 1994, bà Hồ Thị T cùng với ông Phạm Văn H có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung là Phạm Văn A, sinh năm 1996,

Phạm Lâm S, sinh năm 1998, Phạm Ngọc H, sinh ngày 20/11/2002; về tài sản chung: có 01 căn nhà tọa lạc tại ấp VT A, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang; về nợ chung: vợ chồng ông bà không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do trong quá trình chung sống ông bà không cùng quan niệm sống nên bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau, bà T và ông H đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, do đó bà T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H;
- Về con chung: Do các con nay đã trưởng thành nên bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Bà T cam kết là trong quá trình chung sống thì ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Vào năm 1994, ông và bà Hồ Thị T tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung là Phạm Văn A, sinh năm 1996, Phạm Lâm S, sinh năm 1998, Phạm Ngọc H, sinh ngày 20/11/2002; về tài sản chung: có 01 căn nhà tọa lạc tại ấp VT A, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang; về nợ chung: vợ chồng ông bà không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống ông bà bất đồng quan điểm sống và phát sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận vào khoảng tháng 8 năm 2021 (thời gian giãn cách xã hội theo chỉ thị 16) ông có nóng giận rồi đánh bà T vài cái (bằng tay) và lúc đó bà T bị nhiễm covid nên bị đưa đi cách ly, từ đó đến nay ông không gặp lại bà T lần nào nữa, ông có gọi điện thoại nhiều lần cho bà T nhưng bà T không nghe máy. Do đó ông và bà T đã ly thân hơn một năm (khoảng tháng 8/2021).

Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Hồ Thị T;
- Về con chung: Các con nay đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Ông H cam kết là trong quá trình chung sống thì ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H. Về con chung: ông bà có 03 người con chung là Phạm Văn A, sinh năm 1996, Phạm Lâm S, sinh năm 1998, Phạm Ngọc H, sinh ngày 20/11/2002 nay đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà xác định tài sản tự thỏa thuận, không có nợ chung và không yêu cầu xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn H, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn ông Phạm Văn H có địa chỉ cư trú tại ấp VT A, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn sau đó do bất đồng quan điểm nên ông bà đã ly thân hơn một năm. Như vậy, việc bà T và ông H chung sống với nhau trong thời gian khá dài mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Từ đó cho thấy mối quan hệ giữa bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và ông H đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 người con chung là Phạm Văn A, sinh năm 1996, Phạm Lâm S, sinh năm 1998, Phạm Ngọc H, sinh ngày 20/11/2002. Nay các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H đều xác định rằng trong quá trình ông bà chung sống thì ông bà có tài sản chung là 01 căn nhà nhưng ông bà tự thỏa thuận và ông bà cam kết trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009542 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, ông Hương không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H cùng xác định vợ chồng ông bà có 03 người con chung là Phạm Văn A, sinh năm 1996, Phạm Lâm S, sinh năm 1998, Phạm Ngọc H, sinh ngày 20/11/2002 nay đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (miễn xét).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị T và ông Phạm Văn H cùng xác định ông bà có tài sản chung là 01 căn nhà nhưng ông bà tự thỏa thuận và ông bà cam kết trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung, nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (miễn xét).

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009542 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Ông H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

